

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/2009/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 9 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định về phân cấp và tổ chức quản lý
công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04/4/2001;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 151/2007

NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác;

Căn cứ Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1487/TTr-NN&PTNT ngày 07/9/2009 về việc ban hành quyết định thay thế Quyết định số 249/2004/QĐ-UB ngày 26/12/2004 và Quyết định số 282/2004/QĐ-UB ngày 31/12/2004 của UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp và tổ chức quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 249/2004/QĐ-UB ngày 06/12/2004 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Chánh Văn Phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về phân cấp và tổ chức quản lý công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/2009/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 9 năm 2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này áp dụng đối với các công trình, hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; nguồn vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc có một phần vốn ngân sách nhà nước được đưa vào vận hành, khai thác nước phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông lâm nghiệp; cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối, giao thông vận tải, thể thao, giải trí, du lịch và các ngành kinh tế khác.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng cho các Công ty được giao quản lý khai thác công trình, hệ thống công trình thủy lợi; các đơn vị sự nghiệp và các tổ chức hợp tác dùng nước thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. "Công trình thủy lợi" là công trình thuộc kết cấu hạ tầng nhằm khai thác mặt lợi của nước; phòng, chống tác hại do nước gây ra, bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái, bao gồm: hồ chứa nước, đập, cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, kênh, công trình trên kênh và bờ bao các loại.

2. "Hệ thống công trình thủy lợi" là tập hợp các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau trong quản lý, vận hành và bảo vệ trong một lưu vực hoặc một khu vực nhất định.

3. "Hệ thống công trình thủy lợi liên xã" là hệ thống công trình thủy lợi có liên quan hoặc phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho các tổ chức, cá nhân hưởng lợi thuộc 2 xã hoặc đơn vị hành chính tương đương trở lên.

4. "Cống đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước" là công trình trên kênh cố định để cấp nước, tiêu nước cho kênh nội đồng có qui mô diện tích phục vụ tưới, tiêu ≤ 20 ha (đối với các huyện đồng bằng) và ≤ 10 ha (đối với các huyện miền núi).

5. "Tổ chức hợp tác dùng nước" là hình thức hợp tác của những người cùng hưởng lợi từ công trình thủy lợi, làm nhiệm vụ khai thác và bảo vệ công trình, phục vụ sản xuất, dân sinh. Tổ chức hợp tác dùng nước hoạt động theo Luật Hợp tác xã, Bộ Luật Dân sự và các hướng dẫn hiện hành của Nhà nước, không phân biệt tên gọi

của tổ chức đó.

6. "Tổ chức quản lý công trình thủy lợi" bao gồm: quản lý vận hành, khai thác, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ và bảo vệ công trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp và tổ chức quản lý công trình thủy lợi

1. Mỗi hệ thống thủy lợi hoặc công trình thủy lợi phải do một tổ chức hoặc cá nhân trực tiếp quản lý, vận hành, bảo trì và bảo vệ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Theo hệ thống công trình thủy lợi được quy hoạch và dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt khi xây dựng theo địa giới hành chính hoặc theo năng lực yêu cầu phục vụ.

3. Khai thác và bảo vệ công trình, đầu tư sửa chữa, nâng cấp các hạng mục công trình, kênh và công trình trên kênh thuộc hệ thống công trình thủy lợi phải đảm bảo tính hệ thống của công trình, không chia cắt theo địa giới hành chính.

4. Các cơ quan, đơn vị được phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trong bản quy định này có trách nhiệm vận hành an toàn và khai thác công trình có hiệu quả, bảo đảm các yêu cầu phòng, chống suy giảm, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và các tác hại khác do nước gây ra.

Điều 4. UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các biện pháp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; kiểm tra việc thi hành Pháp lệnh về Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương.

Điều 5. Nghiêm cấm các hành vi xâm hại đến công trình thủy lợi được quy định tại Điều 28 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 6. Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi (KTCTTL) trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ các hệ thống công trình thủy lợi thuộc các vùng sau đây:

1. Trong hệ thống thủy lợi Thạch Nham: Công trình đầu mối, kênh chính, kênh liên huyện, liên xã, trạm bơm tưới liên huyện, liên xã.

2. Ngoài hệ thống thủy lợi Thạch Nham (kể cả các huyện miền núi):

a) Công trình đầu mối là hồ chứa nước có dung tích hồ ≥ 1 triệu m³ hoặc đập có chiều cao ≥ 15 m; phục vụ tưới liên xã trở lên.

b) Công trình đầu mối là đập dâng có chiều cao đập ≥ 10 m; phục vụ tưới liên xã trở lên.

c) Công trình đầu mối là trạm bơm có năng lực tưới, tiêu ≥ 200 ha; phục vụ

tưới, tiêu liên xã trở lên.

d) Công trình đầu mối là công phục vụ tưới, tiêu, ngăn mặn cho diện tích $\geq 200\text{ha}$; phục vụ tưới, tiêu, ngăn mặn liên xã trở lên.

e) Kênh mương (kể cả công trình trên kênh) của hồ chứa, đập dâng, trạm bơm phục vụ tưới, tiêu liên xã trở lên.

3. Các công trình tiêu, tiêu kết hợp tưới, kênh tiêu trực chính phục vụ tưới, tiêu liên huyện, liên xã và các công trình ngăn mặn phục vụ tưới, tiêu liên huyện, liên xã.

Điều 7. UBND xã, phường, thị trấn, tổ chức hợp tác dùng nước được phân cấp quản lý khai thác như sau:

1. Trong hệ thống thủy lợi Thạch Nham: Các loại kênh tưới, trạm bơm tưới phục vụ trong một xã, phường, thị trấn.

2. Ngoài hệ thống thủy lợi Thạch Nham:

a) Công trình đầu mối là hồ chứa nước có dung tích hồ < 1 triệu m^3 hoặc đập có chiều cao $< 15\text{m}$; phục vụ tưới trong phạm vi một xã, phường, thị trấn.

b) Công trình đầu mối là đập dâng có chiều cao đập $< 10\text{m}$; phục vụ tưới trong phạm vi một xã, phường, thị trấn.

c) Công trình đầu mối là trạm bơm có năng lực tưới, tiêu < 200 ha; phục vụ tưới trong phạm vi một xã, phường, thị trấn.

d) Công trình đầu mối là công phục vụ tưới, tiêu, ngăn mặn cho diện tích $< 200\text{ha}$; phục vụ tưới, tiêu, ngăn mặn trong phạm vi một xã, phường, thị trấn.

e) Kênh mương (kể cả công trình trên kênh) của hồ chứa, đập dâng, trạm bơm phục vụ tưới trong phạm vi một xã, phường, thị trấn.

3. Các công trình tiêu, tiêu kết hợp tưới, công trình ngăn mặn ngoài phạm vi quản lý của Công ty TNHH một thành viên Khai thác CTTL quy định tại khoản 3, Điều 6, quy định này nằm ở xã, phường, thị trấn nào thì xã, phường, thị trấn đó có trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác.

Điều 8. Các công trình, hệ thống công trình thủy lợi do dân hoặc doanh nghiệp tự đầu tư, tự quản lý và công trình có yêu cầu kỹ thuật quản lý phức tạp, UBND tỉnh sẽ có quyết định riêng.

Điều 9. Việc bàn giao các công trình thủy lợi theo phân cấp cho các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác tại Quy định này phải thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý tài sản.

Điều 10. UBND xã, phường, thị trấn chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức hợp tác dùng nước phải thành lập, củng cố các đội, tổ thủy nông trong Hợp tác xã nông nghiệp để quản lý, bảo vệ và dẫn nước đến mặt ruộng. Những nơi không có tổ chức hợp tác dùng nước thì UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm vận động thành lập tổ hợp tác dùng nước theo quy định tại Nghị định số 151/2007NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác.

Điều 11. Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Quảng Ngãi ngoài việc thực hiện nhiệm vụ và quyền quy định tại Điều 17, Điều 18 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Nghị định số 143/2003/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008, Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 về quản lý an toàn đập còn có các quyền và nhiệm vụ sau:

1. Cung cấp nước theo đúng hướng dẫn lịch thời vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đảm bảo đủ nước theo yêu cầu dùng nước của các loại cây trồng tại các công đầu kênh tưới đã phân cấp cho tổ chức hợp tác dùng nước trên cơ sở diện tích đăng ký tưới của tổ chức hợp tác dùng nước với Công ty tại tuyến kênh đó.

2. Trong quá trình cung cấp nước nếu có sự cố công trình thì Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Quảng Ngãi phải thông báo kịp thời cho tổ chức hợp tác dùng nước để cùng tìm biện pháp khắc phục, bảo đảm nhu cầu nước cho cây trồng và Công ty phải hoàn trả các chi phí cho tổ chức hợp tác dùng nước. Nếu sự cố công trình do chủ quan của Công ty trong công tác quản lý thì Công ty phải bồi thường theo mức độ thiệt hại do thiếu nước gây ra cho tổ chức, cá nhân sử dụng nước theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Chủ trì, phối hợp với UBND huyện, thành phố, UBND xã, phường, thị trấn, tổ chức hợp tác dùng nước hướng dẫn lập sổ bộ thu thủy lợi phí, tiền nước cho từng tổ chức, cá nhân sử dụng nước để làm cơ sở cho việc ký kết hợp đồng dùng nước, thu thủy lợi phí, tiền nước theo quy định và nghiệm thu kết quả tưới, tiêu, cấp nước làm cơ sở cấp bù thủy lợi phí.

4. Phối hợp cùng với Chi cục Thủy lợi và PCLB tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về quản lý, vận hành công trình thủy lợi hàng năm cho các tổ chức hợp tác dùng nước theo khoản 6, Điều 12, Quy định này.

Điều 12. Tổ chức hợp tác dùng nước ngoài việc thực hiện nhiệm vụ và quyền quy định tại Điều 17, Điều 18 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Điều 9 Nghị định số 143/2003/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008, Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07/5/2007 về quản lý an toàn đập còn có các quyền và nhiệm vụ sau:

1. Trực tiếp đóng, mở công đã được phân cấp quản lý để điều hòa, phân phối nước công bằng, hợp lý phục vụ sản xuất cho các tổ chức, cá nhân sử dụng nước theo hợp đồng đã ký kết.

2. Kiến nghị với UBND xã, phường, thị trấn phối hợp trong việc lập sổ bộ tưới, ký kết hợp đồng, thu tiền đóng góp của người hưởng lợi và nghiệm thu kết quả tưới đến từng tổ chức, cá nhân sử dụng nước, làm cơ sở thanh lý, thanh toán cấp bù thủy lợi phí.

3. Theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố nhằm bảo đảm an toàn công trình. Khi có thiên tai xảy ra phải phối hợp kịp thời với Công ty TNHH một thành viên Khai thác CTTL lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ kinh phí, ngày công lao động để khắc phục.

4. Tổ chức bảo vệ, ngăn chặn những hành vi xâm phạm làm hư hỏng công trình thủy lợi đã được phân cấp quản lý. Kiến nghị với chính quyền địa phương và các ngành liên quan xử lý kịp thời theo pháp luật các trường hợp vi phạm, phá hoại công trình, gây lãng phí nước, tranh chấp về nước tưới.

5. Kiến nghị các cấp có thẩm quyền hoặc yêu cầu tòa án nhân dân giải quyết trong trường hợp Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Quảng Ngãi không thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng gây thiệt hại cho tổ chức hợp tác dùng nước, tổ chức, cá nhân sử dụng nước.

6. Được đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

7. Quản lý, công khai việc chi tiêu nguồn kinh phí phục vụ quản lý công trình thủy lợi và thực hiện đúng nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước đối với các nguồn kinh phí do Nhà nước cấp.

Điều 13. Tổ chức, cá nhân sử dụng nước, làm dịch vụ từ công trình thủy lợi có quyền và nghĩa vụ:

1. Tham gia xây dựng kế hoạch khai thác và phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Có kế hoạch sử dụng nước, xả nước thải, ký kết và thực hiện hợp đồng với Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Quảng Ngãi hoặc tổ chức hợp tác dùng nước.

3. Sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm và bảo vệ môi trường nước.

4. Nộp thủy lợi phí, tiền nước theo hợp đồng (Đối với những đối tượng không được miễn giảm thủy lợi phí).

5. Tham gia bảo vệ công trình thủy lợi trong phạm vi sử dụng.

6. Được bồi thường thiệt hại nếu Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Quảng Ngãi, tổ chức hợp tác dùng nước thực hiện không đúng hợp đồng.

7. Các quyền và nghĩa vụ khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Bảo vệ công trình thủy lợi: Công trình, hạng mục công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân nào quản lý khai thác thì tổ chức, cá nhân đó chịu trách nhiệm trực tiếp bảo vệ công trình theo quy định của pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, Nghị định số 143/2003/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 115/2008/NĐ-CP, Nghị định số 72/2007/NĐ-CP và các văn bản quy định hiện hành khác liên quan đến việc tổ chức quản lý công trình thủy lợi.

Điều 15. Trách nhiệm của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Quảng Ngãi:

1. Lập phương án bảo vệ, phương án phòng chống lụt bão cho các công trình thủy lợi, quy trình vận hành các hồ chứa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

2. Phối hợp với UBND các cấp lập phương án sử dụng đất, xác định mốc giới bảo vệ trong phạm vi quản lý khai thác công trình thủy lợi để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi quy định tại Điều 25 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, Điều 23 và Điều 25 Nghị định số 143/2003/NĐ-CP của Chính phủ, Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Quảng Ngãi kiểm tra, lập danh mục đề xuất phương án xử lý đối với các vật kiến trúc trong phạm vi bảo vệ có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn của công trình thủy lợi, trình UBND tỉnh xem xét xử lý (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Điều 16. Trách nhiệm bảo vệ công trình thủy lợi của UBND các cấp được phân cấp cụ thể như sau:

1. Công trình thủy lợi phục vụ xã, phường, thị trấn nào thì UBND xã, phường, thị trấn đó có trách nhiệm lập, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ và bảo đảm an toàn công trình theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Công trình thủy lợi phục vụ nhiều xã, phường, thị trấn trong huyện, thành phố: Giao cho UBND huyện, thành phố chỉ đạo các phòng chức năng lập phương án bảo vệ trình UBND huyện, thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Điều 17. Trách nhiệm bảo vệ công trình thủy lợi của tổ chức hợp tác dùng nước:

1. Lập phương án bảo vệ công trình thủy lợi, phương án phòng chống lụt bão bảo vệ vùng hạ du công trình và các quy định khác theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Chủ động bảo vệ công trình thủy lợi đã được phân cấp quản lý và tham gia bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

3. Thường xuyên kiểm tra phát hiện hư hỏng công trình. Nếu thấy công trình có nguy cơ xảy ra sự cố mà không tự khắc phục được thì khẩn trương báo cáo chính quyền địa phương để chỉ đạo xử lý kịp thời.

4. Chủ động khắc phục hư hại do mưa bão, lũ lụt gây ra, đảm bảo công trình hoạt động bình thường và phục vụ tốt cho sản xuất.

Điều 18. Trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi các hoạt động sau đây chỉ được tiến hành khi có giấy phép:

1. Xây dựng công trình mới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Xả nước thải vào công trình thủy lợi.

3. Các hoạt động khác liên quan đến an toàn công trình thủy lợi theo quy định của Chính phủ.

Thẩm quyền và thủ tục cấp giấy phép thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 19. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên phạm vi toàn tỉnh gồm:

1. Lập, trình duyệt, quản lý, chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch và dự án đầu tư xây dựng mới, bổ sung hoàn thiện, sửa chữa nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống công trình thủy lợi, đảm bảo phục vụ sản xuất có hiệu quả và an toàn.

2. Trình UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện các văn bản đó.

3. Chỉ đạo công tác phòng chống lụt bão, úng hạn và các sự cố khẩn cấp của công trình thủy lợi.

4. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chính sách, chế độ quy định về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Tham mưu, giúp UBND tỉnh giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

5. Chỉ đạo việc nghiên cứu áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào việc quản lý, khai thác, lợi dụng tổng hợp các công trình thủy lợi; tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

6. Xem xét trình UBND tỉnh cấp giấy phép và thu hồi giấy phép trong việc quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 20. Các Sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện việc quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi như sau:

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch hệ thống cấp thoát nước cho đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp nằm trong hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo phù hợp với quy hoạch, quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi và không gây ô nhiễm môi trường nước.

2. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới giao thông thủy trong hệ thống công trình thủy lợi hoặc lợi dụng tổng hợp công trình thủy lợi đã có vào mục đích giao thông bảo đảm phù hợp với quy hoạch hệ thống công trình thủy lợi, an toàn cho công trình và không gây cản trở dòng chảy.

3. Sở Công Thương chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng hoặc tổ chức việc xây dựng quy trình vận hành công trình thủy điện, bảo đảm khai thác có hiệu quả công trình thủy lợi; phối hợp với Sở Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn trong việc cung cấp nước cho sản xuất công nghiệp.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn lập phương án sử dụng tài nguyên đất, phương án khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành có liên quan và UBND huyện, thành phố, tổng hợp kế hoạch đầu tư các dự án về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

6. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành có liên quan bố trí kinh phí phòng, chống úng, hạn, miễn giảm mất mùa, thực hiện các chính sách về tài chính trong quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và khắc phục hậu quả khi công trình thủy lợi xảy ra sự cố.

7. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và lực lượng vũ trang nhân dân phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo việc ngăn chặn các hành vi phá hoại, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi và khắc phục hậu quả khi công trình thủy lợi xảy ra sự cố.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Hội, Đoàn thể tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với các cấp, các ngành tuyên truyền, vận động và giám sát việc thực hiện pháp luật, các quy định của nhà nước về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

Điều 21. UBND huyện, thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn huyện, thành phố gồm:

1. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các mặt về công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn, bảo đảm an toàn công trình theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Lập quy hoạch, kế hoạch và dự án đầu tư xây dựng mới, bổ sung hoàn thiện, nâng cấp, kiên cố hóa hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn huyện, thành phố theo phân cấp quản lý, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

3. Hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện việc phòng, chống và khắc phục hậu quả bão lụt, úng hạn, tổ chức huy động các nguồn lực để ứng cứu kịp thời khi công trình thủy lợi xảy ra sự cố.

4. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chính sách, chế độ quy định về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, diện tích tưới, thu nộp thủy lợi phí và sử dụng nguồn kinh phí được cấp bù, bảo vệ rừng đầu nguồn ở địa phương.

5. Phối hợp với Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Quảng Ngãi chỉ đạo các phòng, ban nghiệp vụ và các Trạm thủy nông trong việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đốc thu thủy lợi phí đối với tổ chức, cá nhân sử dụng nước không thuộc đối tượng miễn giảm thủy lợi phí.

6. Hướng dẫn UBND xã, phường, thị trấn thành lập tổ chức hợp tác dùng nước,

tổ đội thủy nông; ban hành quy chế hoạt động và quyết định thành lập các tổ chức này trên địa bàn huyện, thành phố; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý vận hành phù hợp với các công trình thủy lợi do địa phương quản lý.

7. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về các vi phạm trong việc khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn huyện, thành phố.

Điều 22. UBND xã, phường, thị trấn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc địa bàn xã, phường, thị trấn gồm:

1. Căn cứ các quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi chỉ đạo thực hiện việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, bảo vệ rừng đầu nguồn các công trình thủy lợi.

2. Thành lập tổ chức hợp tác dùng nước.

3. Tuyên truyền, vận động, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức hợp tác dùng nước; các tổ chức, cá nhân sử dụng nước ký hợp đồng dùng nước đúng diện tích thực tưới, nộp thủy lợi phí (trường hợp không thuộc đối tượng miễn thủy lợi phí theo quy định) theo đúng các hợp đồng đã ký với Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Quảng Ngãi, tổ chức hợp tác dùng nước; vận động nhân dân địa phương tự giác thực hiện tốt pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

4. Kiểm tra, theo dõi tình hình phục vụ tưới, cấp nước của các đơn vị quản lý thủy nông.

5. Chủ trì, phối hợp với UBMTTQVN tại các địa phương, cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc hòa giải các tranh chấp về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương IV

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23. Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, ngăn chặn các hành vi phá hoại công trình thủy lợi thì được khen thưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 24. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thì tùy theo mức độ vi phạm mà xử lý theo pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Giám đốc các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND các cấp; Công ty

TNHH một thành viên KTCT thủy lợi Quảng Ngãi; các tổ chức, cá nhân được phân cấp có trách nhiệm quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo bản Quy định này.

Điều 26. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND các cấp; Công ty TNHH một thành viên KTCT thủy lợi Quảng Ngãi, hàng năm tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề chưa hợp lý, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân cần phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế